

Theo dấu dòng tiền

TOP CỔ PHIẾU

— —
Ngày 05 tháng 11, 2025

Xem thêm



Bộ phận Phân tích & Đầu tư
Research & Proprietary trading



- Cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến phản ánh có dòng tiền mới tham gia.
- Điều này có thể tạo ra sự biến động giá mạnh hơn, đồng nghĩa sẽ xuất hiện cơ hội kiếm lợi nhuận từ chênh lệch giá



STT	Mã	Ngày	Giá đóng cửa	KLGD	KL TB 30P	Gấp TB 30P
1	MCH	04/11/2025	182.6	1.799.900	428.123	4.2
2	MSH	04/11/2025	38	895.300	219.257	04.08
3	PVD	04/11/2025	22.9	17.022.000	5.089.814	3.34
4	VGI	04/11/2025	76.5	1.794.700	601.453	2.98
5	VEA	04/11/2025	41.6	1.294.000	444.283	2.91
6	BVH	04/11/2025	54.3	1.009.800	382.513	2.64
7	CTD	04/11/2025	94.3	3.602.200	1.457.810	2.47
8	MIG	04/11/2025	18.25	906.300	385.803	2.35
9	CTR	04/11/2025	90.3	1.336.200	574.530	2.33
10	TAL	04/11/2025	45.75	1.558.500	673.070	2.32
11	DPR	04/11/2025	38.85	1.043.900	458.573	2.28
12	VTP	04/11/2025	109.8	1.965.100	916.580	2.14
13	HAH	04/11/2025	62	4.687.100	2.313.853	02.03
14	KLB	04/11/2025	15.8	1.207.100	596.173	02.02
15	TVC	04/11/2025	11.5	1.554.200	794.830	1.96
16	CSV	04/11/2025	31	1.110.800	569.300	1.95
17	FTS	04/11/2025	35.9	3.770.900	2.000.063	1.89
18	VCI	04/11/2025	38.5	17.168.700	9.417.287	1.82
19	DGC	04/11/2025	94.6	2.784.600	1.543.623	1.8
20	HDB	04/11/2025	31.1	34.423.800	19.441.844	1.77
21	DCL	04/11/2025	35.15	1.830.700	1.053.323	1.74
22	TNG	04/11/2025	19.04	1.237.700	716.057	1.73
23	VFS	04/11/2025	17	4.181.200	2.425.870	1.72
24	VGT	04/11/2025	12.1	957.300	557.620	1.72
25	MWG	04/11/2025	81.8	13.681.700	8.234.420	1.66
26	GAS	04/11/2025	60.5	1008600	614700	1.64
27	DDV	04/11/2025	29.6	2296800	1421307	1.62
28	VIX	04/11/2025	27.85	63196200	39433656	1.6



- Cổ phiếu nằm trên MA200 cho thấy xu hướng dài hạn tích cực và tâm lý thị trường lạc quan.
- Khoảng cách giữa giá đóng cửa và MA200 nhỏ hơn 7% cho thấy cổ phiếu chưa bị mua quá đà, vẫn còn dư địa tăng.



STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	TBKL 10 phiên	RSI(14)	MA 200	% Close - MA200	MACD Hist W	MACD Hist M
1	AAA	04/11/2025	8.12	1.770.640	54.22	7.79	4.27	0	0.07
2	APG	04/11/2025	11.6	601.930	47.04	11.03	5.16	-0.12	0.09
3	CMG	04/11/2025	39.6	886.100	50.06	39.49	0.27	0.05	-0.96
4	DGW	04/11/2025	40.55	1.115.290	50.79	39.42	2.86	-0.53	-0.17
5	DPR	04/11/2025	38.85	682.200	59.75	38.75	0.26	0.08	-0.51
6	FRT	04/11/2025	143	721.520	53.18	139.67	2.38	01.01	-3.54
7	NTL	04/11/2025	18.75	2.034.270	50.37	17.82	5.2	-0.14	-0.28
8	PC1	04/11/2025	24.7	2.897.410	56.93	23.67	4.34	-0.35	0.03
9	POW	04/11/2025	14.25	6.530.860	50.09	13.43	6.14	-0.23	0.23
10	PVS	04/11/2025	32.2	4.625.380	51.52	32.12	0.24	-0.31	-0.53
11	SAM	04/11/2025	7.6	667.190	53.71	7.25	4.88	-0.12	0.21
12	VEA	04/11/2025	41.6	594.380	75.98	39.33	5.77	0.24	-0.11
13	VGI	04/11/2025	76.5	1.245.030	62.87	74.27	3	0.51	-1.85
14	VHC	04/11/2025	58.2	1.289.620	56.77	57.43	1.33	0.43	-1.15
15	VPI	04/11/2025	56	1.771.000	47.89	55.29	1.28	0.14	-0.61

Đỉnh và đáy là mức
kháng cự và hỗ trợ
quan trọng của cổ phiếu

Vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Cao nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	CDC	30	30	402.140
2	DCL	35.15	35.5	1344520
3	KHG	8.7	8.76	22.931.210
4	MCH	182.6	186	645.340
5	PSD	16	17	265480
6	VEA	41.6	44.9	594.380

Vượt đỉnh 3 tháng nhưng chưa vượt đỉnh 1 năm

Phá đáy 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	NAG	9.4	9.4	831.270
2	SHN	4.3	4.3	17.970
3	VSF	24.5	24.5	12.790

Phá đáy 3 tháng

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 3 m	TBKL 10 phiên
1	CNG	25.8	24.4	20.720
2	DBD	52.2	51.6	22.610
3	DDV	29.6	27	1.855.220
4	NAG	9.4	9.4	831.270
5	SJS	60.3	59.5	47.050
6	VSF	24.5	24.5	12.790
7	VTD	6.7	6.6	56.430

Cổ phiếu cắt lên trên các đường trung bình có thể phát tín hiệu mua cho một nhịp tăng giá mới

Cắt lên đường trung bình MA200

STT	Mã	Giá	MA200	KLTB 10 phiên
1	AGR	16.3	16.21	531.890
2	CTI	23.5	22.93	637.750
3	DBC	26.35	26.28	3108330
4	DSE	25.8	25.39	739.020
5	FCN	15.4	15.36	1.004.210
6	IDJ	5.8	5.64	962.280
7	KSB	18.5	18.34	1.355.820
8	NTL	18.75	17.82	2.034.270
9	NVL	13.4	13.4	17.518.190
10	SBS	5.8	5.51	591030
11	VHC	58.2	57.43	1289620

Cắt lên đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	AAA	8.12	08.07	1.770.640
2	ELC	21.8	21.46	509.860
3	HUT	18	17.71	3276500
4	NLG	38.2	37.61	2.998.420
5	TAL	45.75	45.22	514.190

Cắt lên đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	ABB	13	12.97	4.541.840
2	ACB	26	25.74	11.683.890
3	DCM	35	34.74	2529490
4	DPM	23.7	23.63	3.674.690
5	ELC	21.8	21.21	509.860
7	HPX	4.85	4.83	1446190
8	HUT	18	16.77	3276500
9	KBC	35.65	34.92	4984690
10	LPB	51.7	51.24	2968540
11	NKG	16.8	16.65	7325070
12	NLG	38.2	37.39	2998420
13	PVC	10.7	10.6	813390
14	VOS	13.2	13	994180

Cổ phiếu cắt xuống dưới các đường trung bình phát tín hiệu bán khi giá có thể giảm sâu hơn



Cắt xuống đường trung bình MA200

STT	Mã	Giá	MA200	KLTB 10 phiên
1	VGT	12.1	12.19	618.570

Cắt xuống đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	GMD	67.3	67.5	2.837.990
2	VFS	17	17.4	2.023.750

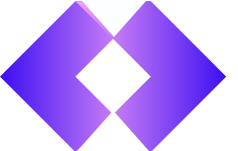
Cắt xuống đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	CMG	39.6	39.82	886.100
2	DGC	94.6	95.23	1.987.300
3	GAS	60.5	61.38	776950
4	GMD	67.3	68.22	2.837.990
5	VGT	12.1	12.13	618.570



Cổ phiếu có giai đoạn tích lũy trong biên độ hẹp. Thông thường quá trình tích lũy càng lâu với Bollinger band co hẹp cực đại thì theo sau sẽ là giai đoạn biến động mạnh.

STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	Giá thấp nhất 3T	Giá cao nhất 3T	Biên độ %	KLTB 5 phiên
1	PPH	04/11/2025	28.3	27.1	28.8	6.3	70.320
2	PVP	04/11/2025	14.4	13.56	14.68	8.3	186.440
3	SJD	04/11/2025	14.2	13.59	14.76	8.6	105.240
4	TCL	04/11/2025	34.6	33.9	37	9.1	46.660
5	VCP	04/11/2025	26	25.31	27.66	9.3	48.940
6	QTP	04/11/2025	12.9	12.7	13.9	9.4	112.960
7	DHG	04/11/2025	102.9	100.4	110	9.6	41.120
8	VTZ	04/11/2025	18.4	17.6	19.4	10.2	1.371.980
9	SAB	04/11/2025	46.25	44	48.55	10.3	734.360
10	VLB	04/11/2025	47.1	45	49.8	10.7	76.540
11	CTF	04/11/2025	20.1	19.31	21.42	10.9	331.020
12	NAB	04/11/2025	14.35	13.95	15.5	11.1	1.555.240
13	QNS	04/11/2025	45.3	44.1	49.1	11.3	167.960
14	VC3	04/11/2025	27.8	26.4	29.4	11.4	1.006.400
15	MCM	04/11/2025	27.4	26.3	29.4	11.8	44.420
16	SHI	04/11/2025	15	13.55	15.2	12.2	498.280
17	BWE	04/11/2025	47.4	45.1	50.6	12.2	234.020
18	SBG	04/11/2025	13.25	12.1	13.6	12.4	247.480
19	VEA	04/11/2025	41.6	37.3	42	12.6	896.440
20	NTC	04/11/2025	159	155.1	174.6	12.6	50.220
21	PCH	04/11/2025	20.8	19.5	22.1	13.3	107680
22	KDC	04/11/2025	53.5	49.2	55.8	13.4	159760
23	PPT	04/11/2025	14.8	13.2	15	13.6	254120
24	VAB	04/11/2025	11.2	10.8	12.35	14.4	698260



Trung tâm Phân tích và Tư vấn Đầu tư

Nguyễn Văn Thanh

Phụ trách khối Phân tích & Tự doanh

Email: thanhnv@apsc.vn

Phân tích cơ bản

Nguyễn Kim Dung

Chuyên viên phân tích

Email: dungnk@apsc.vn

Chiến lược giao dịch

Nguyễn Văn Thiệu

Chuyên viên phân tích

Email: thieunv@apsc.vn

Cam kết phân tích

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

Khuyến nghị

CANH MUA Giá cổ phiếu hiện tại trong vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

CHỜ MUA Giá cổ phiếu hiện tại cao hơn vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

TRUNG LẬP Ước tính giá cổ phiếu có thể tăng/giảm 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

CANH BÁN Ước tính tiềm năng giảm giá trên 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.



Tuyên bố trách nhiệm

Bản báo cáo và các tài liệu đi kèm chỉ phục vụ cho mục đích cung cấp thông tin tham khảo và được phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha (APSC), một doanh nghiệp được cấp phép bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và APSC không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay tác động đến bất kỳ chứng khoán nào. Bất kỳ quyết định đầu tư nào đều dựa trên đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo này cùng với các tài liệu đi kèm không thể được sử dụng làm bằng chứng trong bất kỳ tranh chấp pháp lý nào liên quan đến quyết định đầu tư.

© Copyright - Bản quyền thuộc về APSC. Báo cáo này không được phép sao chép tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của APSC. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. APSC có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho APSC.

Công ty Cổ phần Chứng Khoán Alpha

Hội sở chính

Tầng 1, 1A, 2-389 Đê La Thành, P. Thành Công, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội
Điện thoại: (024) 3933 4666

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 8, số 04/B1 lô 26 BC đường Lê Hồng Phong, Phường
Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng
Điện thoại: 0913.399.635

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 5, Tòa nhà HDTC, 36 Bùi Thị Xuân, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028) 3535 2115

Chi nhánh Thanh Hoá

Sảnh tầng 1, khách sạn Lam Kinh, Khu đô thị Đông Hương, Phường Đông
Hương, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá
Điện thoại: 0237 3515 009